



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02a – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03a – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 5 tháng 7 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên
Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Đoan Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Danny Le	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Đường Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu nếu có đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Danny Le
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 09 -06- 2024



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00499-24-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 09-06-2024

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.039.102.165.010	5.965.210.210.597
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	4.825.031.457.044	791.299.250.695
Tiền	111		72.405.715.886	601.299.250.695
Các khoản tương đương tiền	112		4.752.625.741.158	190.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		594.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	594.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.534.116.696.713	5.095.126.640.513
Trả trước cho người bán	132		30.763.430.030	36.200.516.378
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	3.130.220.000.000	4.841.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(c)	373.133.266.683	217.626.124.135
Tài sản ngắn hạn khác	150		85.954.011.253	78.784.319.389
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		302.077.701	366.808.635
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.512.797.895	10.278.375.097
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	153		68.139.135.657	68.139.135.657
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.228.579.327.266	45.560.390.550.305
Các khoản phải thu dài hạn	210		25.556.005.996.537	25.810.501.284.306
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	21.322.445.779.967	22.418.845.779.967
Phải thu dài hạn khác	216	8(d)	4.233.560.216.570	3.391.655.504.339
Tài sản cố định	220		5.153.109.153	6.529.038.799
Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.153.109.153	6.529.038.799
Nguyên giá	222		51.443.824.805	52.374.616.405
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.290.715.652)	(45.845.577.606)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		21.398.202.077.636	19.435.202.077.636
Đầu tư vào các công ty con	251	7(b)	17.019.365.000.000	15.056.365.000.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Tài sản dài hạn khác	260		269.218.143.940	308.158.149.564
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	269.218.143.940	308.158.149.564
TỔNG TÀI SẢN	270		56.267.681.492.276	51.525.600.760.902

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01a – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		27.616.202.019.220	29.930.061.111.439
Nợ ngắn hạn	310		3.202.352.529.077	6.120.501.603.741
Phải trả người bán	311		10.742.096.474	19.667.423.258
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		15.544.831.976	3.123.881.174
Phải trả nhân viên	314		49.538.702	49.538.702
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11(a)	447.286.745.838	571.572.318.447
Phải trả ngắn hạn khác	319	12(a)	1.282.316.066.087	3.680.025.942.160
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	13	1.446.413.250.000	1.846.062.500.000
Nợ dài hạn	330		24.413.849.490.143	23.809.559.507.698
Chi phí phải trả dài hạn	333	11(b)	107.789.299.998	15.614.360.274
Phải trả dài hạn khác	337	12(b)	3.765.000.000.000	2.265.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	13	20.541.060.190.145	21.528.945.147.424
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.651.479.473.056	21.595.539.649.463
Vốn chủ sở hữu	410	14	28.651.479.473.056	21.595.539.649.463
Vốn cổ phần	411	15	15.129.280.870.000	14.308.434.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	15	14.164.557.503.261	8.723.077.701.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414	17	(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.052.979.282.363	259.366.070.952
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		259.366.070.952	371.660.953.096
- Lợi nhuận/(lỗ) kỳ này/năm trước	421b		793.613.211.411	(112.294.882.144)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		56.267.681.492.276	51.525.600.760.902

09-06-2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 02a – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.276.908.595.052	1.826.472.750.712
Chi phí tài chính	22	20	1.296.359.473.655	1.528.264.709.102
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.207.696.415.182	1.419.210.605.485
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	187.435.064.835	140.399.131.758
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		793.114.056.562	157.808.909.852
Thu nhập khác	31		499.154.849	28.348.504
Kết quả của các hoạt động khác	40		499.154.849	28.348.504
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		793.613.211.411	157.837.258.356
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	22	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	22	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		793.613.211.411	157.837.258.356

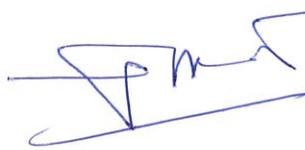
09-06-2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	793.613.211.411	157.837.258.356
Điều chỉnh cho			
Khấu hao	02	1.511.929.646	2.638.359.562
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(71.833)	(57.881.346.865)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.276.518.929.037)	(1.767.394.603.847)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	1.293.412.863.096	1.521.163.709.101
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(187.980.996.717)	(143.636.623.693)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	3.594.207.148	(8.480.091.299)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(47.491.156.886)	(68.391.129.223)
Biến động các khoản trả trước	12	631.181.810	(3.796.067.466)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	(857.523.890.300)
		(231.246.764.645)	(1.081.827.801.981)
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14	(1.370.162.691.499)	(1.254.394.117.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.601.409.456.144)	(2.336.221.919.658)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(161.920.000)	(756.738.450)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	499.154.849	-
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(4.425.860.000.000)	(1.185.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	6.639.340.000.000	3.158.835.383.338
Tiền chi cho các khoản đầu tư vốn	25	(1.963.000.000.000)	(1.901.700.000.000)
Tiền thu từ nhận ứng trước và các khoản thanh toán nhận được từ các thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần	26	-	1.644.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27	1.273.242.295.811	297.851.170.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.524.059.530.660	2.012.729.815.363

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ các khoản thanh toán cho chi phí giao dịch liên quan	31	6.409.082.060.000	-
Tiền thu từ vay, phát hành trái phiếu và khác	33	4.999.446.576.000	11.299.076.145.000
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và khác	34	(7.297.446.576.000)	(11.309.382.099.131)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.111.082.060.000	(10.305.954.131)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.033.732.134.516	(333.798.058.426)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	791.299.250.695	1.266.804.918.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	71.833	(780.798.135)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4.825.031.457.044	932.226.061.672

09-06-2024

Người lập:

Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chínhDanny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư trên quy mô tập đoàn và cho Công ty và các công ty thành viên.

Công ty sở hữu vốn trong các công ty con sở hữu trực tiếp, các công ty con sở hữu gián tiếp và các công ty liên kết (sau đây được gọi chung là “các công ty thành viên”), và thông qua các công ty này để tư vấn, và quản lý hoạt động kinh doanh ở các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là “Công ty và các công ty thành viên”).

Doanh thu và thu nhập của Công ty đến từ hoạt động tư vấn quản lý và quản lý các khoản đầu tư tại các công ty thành viên trong Tập đoàn bao gồm các khoản thu nhập cổ tức được nhận từ các công ty thành viên, các khoản tiền lãi từ việc cho các công ty thành viên vay, lãi từ việc chuyển nhượng các công cụ tài chính và lãi từ việc chuyển nhượng vốn hoặc cổ phần của các công ty thành viên trong Tập đoàn và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 109 nhân viên (1/1/2024: 98 nhân viên).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(e) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 - 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Chi phí đi vay trả trước*

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian vay.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(i) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này có mức cổ tức tùy theo quyết định của Công ty, không có nghĩa vụ chuyển giao tiền hay tài sản tài chính khác và không có yêu cầu phải thanh toán bằng một số lượng có thể thay đổi công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty. Do đó cổ tức tùy theo quyết định của Công ty được ghi nhận là phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của các cổ đông của Công ty.

(iii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iv) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(l) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi chứng khoán kinh doanh, lãi cho vay; và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, trái phiếu và các khoản đặt cọc; chi phí vay và phát hành trái phiếu được phân bổ (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(p) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

4 CÁC THAY ĐỔI TRONG ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ sở thực hiện các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

5 CÁC THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU CỦA CÔNG TY

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

6 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	72.405.715.886	601.299.250.695
Các khoản tương đương tiền	4.752.625.741.158	190.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>4.825.031.457.044</u>	<u>791.299.250.695</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tiền và các khoản tương đương tiền với giá trị ghi sổ là 301.697 triệu VND (1/1/2024: 281.548 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 13).

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	594.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	17.019.365.000.000	15.056.365.000.000
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	<hr/>	<hr/>
	<u>21.398.202.077.636</u>	<u>19.435.202.077.636</u>

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND tại ngân hàng với kỳ đáo hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2024					1/1/2024				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH The SHERPA ("SHERPA")	100,0%	100,0%	14.956.355.000.000	-	(*)	100,0%	100,0%	14.956.355.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Zenith Investment ("Zenith")	100,0%	100,0%	2.063.010.000.000	-	(*)	100,0%	100,0%	100.010.000.000	-	(*)
			<u>17.019.365.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>			<u>15.056.365.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	SHERPA VND	Zenith VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	14.956.355.000.000	100.010.000.000	15.056.365.000.000
Tăng trong kỳ	-	1.963.000.000.000	1.963.000.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>14.956.355.000.000</u>	<u>2.063.010.000.000</u>	<u>17.019.365.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	30/6/2024					1/1/2024				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	24.485.533.803.300	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	16.673.232.868.200

Giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Lãi phải thu từ các công ty con (*)	51.035.849.314	124.443.322.463
Lãi phải thu từ ngân hàng	19.954.954.297	-
Lãi phải thu từ một bên thứ ba	1.354.405.753	-
Phải thu khác từ các công ty con (**)	256.767.016.564	48.838.523.870
Ký quỹ ngắn hạn	172.000.000	456.965.000
Phải thu khác	43.849.040.755	43.887.312.802
	<u>373.133.266.683</u>	<u>217.626.124.135</u>

(d) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Lãi phải thu từ các công ty con (*)	4.227.786.231.763	3.386.575.640.287
Ký quỹ dài hạn	5.773.984.807	5.079.864.052
	<u>4.233.560.216.570</u>	<u>3.391.655.504.339</u>

(*) Lãi phải thu ngắn hạn và dài hạn từ các công ty con không có đảm bảo và phải thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay tương ứng.

(**) Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu theo yêu cầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	35.681.203.528	10.074.389.422	6.619.023.455	52.374.616.405
Tăng trong kỳ	-	136.000.000	-	136.000.000
Thanh lý	(1.066.791.600)	-	-	(1.066.791.600)
Số dư cuối kỳ	34.614.411.928	10.210.389.422	6.619.023.455	51.443.824.805
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	33.176.480.855	9.407.246.027	3.261.850.724	45.845.577.606
Khấu hao trong kỳ	724.088.400	551.585.286	236.255.960	1.511.929.646
Thanh lý	(1.066.791.600)	-	-	(1.066.791.600)
Số dư cuối kỳ	32.833.777.655	9.958.831.313	3.498.106.684	46.290.715.652
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.504.722.673	667.143.395	3.357.172.731	6.529.038.799
Số dư cuối kỳ	1.780.634.273	251.558.109	3.120.916.771	5.153.109.153

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 35.838 triệu VND (1/1/2024: 36.905 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đi vay trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	302.525.158.096	5.632.991.468	308.158.149.564
Tăng trong kỳ	-	484.862.682	484.862.682
Phân bổ trong kỳ	(38.373.554.748)	(1.051.313.558)	(39.424.868.306)
Số dư cuối kỳ	264.151.603.348	5.066.540.592	269.218.143.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả cho:		
■ Ngân hàng và trái chủ	245.002.747.616	358.710.995.351
■ Các bên thứ ba (Thuyết minh 12)	5.705.778.082	123.928.391.508
Chi phí giao dịch liên quan đến phát hành cổ phiếu ưu đãi	146.755.447.818	-
Phí dịch vụ chuyên môn	847.940.000	2.225.808.000
Chi phí khác	48.974.832.322	86.707.123.588
	<u>447.286.745.838</u>	<u>571.572.318.447</u>

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả cho các bên thứ ba (Thuyết minh 12)	107.789.299.998	15.614.360.274
	<u>107.789.299.998</u>	<u>15.614.360.274</u>

12 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Đặt cọc nhận được từ các bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	1.282.000.000.000	3.680.000.000.000
Cổ tức phải trả	25.942.160	25.942.160
Phải trả khác	290.123.927	-
	<u>1.282.316.066.087</u>	<u>3.680.025.942.160</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

12 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Đặt cọc nhận được từ các bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	3.765.000.000.000	2.265.000.000.000

(*) Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty cam kết cung cấp cho các bên thứ ba lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc nhận được theo mức được quy định trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh tương ứng (Thuyết minh 11).

13 VAY VÀ TRÁI PHIẾU

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (a)		
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	1.446.413.250.000	1.846.062.500.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn		
Vay dài hạn (b)	13.338.010.000.000	13.338.010.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	8.649.463.440.145	10.036.997.647.424
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.446.413.250.000)	(1.846.062.500.000)
	20.541.060.190.145	21.528.945.147.424

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	-	2.217.446.576.000	(2.217.446.576.000)	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	1.846.062.500.000	1.000.350.750.000	(1.400.000.000.000)	1.446.413.250.000
	1.846.062.500.000	3.217.797.326.000	(3.617.446.576.000)	1.446.413.250.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (*)	USD	2027-2028	13.338.010.000.000	13.338.010.000.000
Trong đó: Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			1.446.413.250.000	446.062.500.000

(*) Khoản vay hợp vốn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 chịu lãi suất năm là SOFR + biên độ từ 2,9% đến 3,5% một năm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- tiền gửi ngân hàng của Công ty;
- cổ phiếu phổ thông đã phát hành và các lợi ích liên quan của một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty; và
- được bảo lãnh bởi một công ty con sở hữu trực tiếp.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các khoản vay trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ lần lượt là 7.459.182 triệu VND và 16.608.000 triệu VND (1/1/2024: lần lượt là 7.014.088 triệu VND và 16.608.000 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

13 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)

(c) Trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bảo lãnh phát hành	30/6/2024 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2024 Giá trị ghi sổ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương				
■ Trái phiếu không đảm bảo	3.000.000.000.000	4.400.000.000.000	2027 - 2028	9,5% trong năm đầu tiên, và 3,975% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
■ Trái phiếu không đảm bảo	1.700.000.000.000	1.700.000.000.000	2027	4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB				
■ Trái phiếu không đảm bảo	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	2028	Từ 11,45% đến 11,65% một năm trong năm đầu tiên, và 4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
Trái phiếu thường dài hạn theo mệnh giá	8.700.000.000.000	10.100.000.000.000		
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(50.536.559.855)	(63.002.352.576)		
	<u>8.649.463.440.145</u>	<u>10.036.997.647.424</u>		
Trong đó: Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	1.400.000.000.000		

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty bảo lãnh cho các trái phiếu phát hành của các công ty con với tổng mệnh giá là 14.439.980 triệu VND (1/1/2024: 14.439.980 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

14 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	371.660.953.096	21.636.698.301.607
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	157.837.258.356	157.837.258.356
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	529.498.211.452	21.794.535.559.963
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(270.132.140.500)	(270.132.140.500)
Phát hành cổ phiếu phổ thông	71.186.230.000	(50.000.000)	-	-	71.136.230.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	14.308.434.060.000	8.723.077.701.079	(1.695.338.182.568)	259.366.070.952	21.595.539.649.463
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	793.613.211.411	793.613.211.411
Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức chuyển đổi	745.764.700.000	5.441.529.802.182	-	-	6.187.294.502.182
Phát hành cổ phiếu phổ thông	75.082.110.000	(50.000.000)	-	-	75.032.110.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	15.129.280.870.000	14.164.557.503.261	(1.695.338.182.568)	1.052.979.282.363	28.651.479.473.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

15 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.512.928.087	15.129.280.870.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
Vốn cổ phần đã phát hành	1.512.928.087	15.129.280.870.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.438.351.617	14.383.516.170.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	74.576.470	745.764.700.000	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	1.512.928.087	15.129.280.870.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.438.351.617	14.383.516.170.000	1.430.843.406	14.308.434.060.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	74.576.470	745.764.700.000	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	-	14.164.557.503.261	-	8.723.077.701.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong tháng 4 năm 2024 (“Ngày hoàn tất”), Công ty đã phát hành 74.576.470 cổ phiếu ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông (“CDPS”) cho BCC Meerkat, LLC và BCC Meerkat II, LLC (sau đây được gọi chung là “Nhà đầu tư”) với giá 85.000 VND/cổ phiếu, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày hoàn tất đến ngày chuyển đổi bắt buộc là 10 năm kể từ Ngày hoàn tất và theo tỷ lệ chuyển đổi 1:1. Cổ tức ưu đãi sẽ không được trả trong 5 năm đầu tiên, mỗi năm kể từ năm thứ sáu trở đi cổ tức ưu đãi được chi trả bằng 10% mệnh giá của mỗi CDPS còn lại của Nhà đầu tư. Liên quan đến việc phát hành CDPS, Công ty đã ký kết thỏa thuận với Nhà đầu tư, theo đó, Công ty cũng cam kết với Nhà đầu tư rằng Công ty sẽ nỗ lực hết sức để tìm người mua để Nhà đầu tư bán CDPS còn lại của mình với giá đã thỏa thuận trong hợp đồng khi xảy ra một số sự kiện nhất định hoặc vào thời điểm 5 năm rưỡi kể từ Ngày hoàn tất. Nhà đầu tư có thể chọn bán CDPS còn lại của Nhà đầu tư cho bất kỳ bên thứ ba nào. Trong trường hợp Nhà đầu tư không đạt được tổng số tiền thu được như đã thỏa thuận trong hợp đồng sau khi trừ đi việc bán các cổ phiếu CDPS không đủ điều kiện như đã thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty sẽ bổ sung tiền mặt để Nhà đầu tư đạt được số tiền mục tiêu như đã thỏa thuận trong hợp đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

15 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN (tiếp theo)

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày hoàn tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày hoàn tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày hoàn tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024		Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	1.430.843.406	14.308.434.060.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Phát hành CDPS	74.576.470	745.764.700.000	-	-
Phát hành cổ phiếu phổ thông	7.508.211	75.082.110.000	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.512.928.087</u>	<u>15.129.280.870.000</u>	<u>1.423.724.783</u>	<u>14.237.247.830.000</u>

16 KẾ HOẠCH VỀ QUYỀN CHỌN MUA CỔ PHẦN CHO NHÂN VIÊN

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Trong tháng 6 năm 2024, Công ty đã phát hành 7.508.211 cổ phiếu cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

17 VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	6.506.885.848	14.898.946.403
Từ 2 đến 5 năm	9.760.328.772	6.666.000.000
	16.267.214.620	21.564.946.403
	16.267.214.620	21.564.946.403

(b) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	213	5.253.781	220	5.265.924
		5.253.781		5.265.924

19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và các hoạt động đầu tư khác	38.305.107.783	45.318.765.049
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	1.238.465.166.936	1.722.075.838.798
Thu nhập cổ tức từ công ty liên kết	786.473.248.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	71.833	59.078.146.865
Thu nhập khác	213.665.000.000	-
	2.276.908.595.052	1.826.472.750.712
	2.276.908.595.052	1.826.472.750.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và đặt cọc nhận được cho các hoạt động đầu tư	1.207.696.415.182	1.419.210.605.485
Chi phí phát hành trái phiếu	15.465.792.721	66.792.962.861
Chi phí đi vay khác	70.250.655.193	35.160.140.755
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.291.862.467	7.101.000.001
Chi phí khác	1.654.748.092	-
	1.296.359.473.655	1.528.264.709.102

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.511.929.646	2.638.359.562
Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	185.923.135.189	137.760.772.196
	187.435.064.835	140.399.131.758

22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 %	VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 %	VND
Lãi kế toán trước thuế	100%	793.613.211.411	100%	157.837.258.356
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20,00%	158.722.642.282	20,00%	31.567.451.671
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,66%	5.261.155.136	1,12%	1.762.219.817
Thu nhập không bị tính thuế	(19,82%)	(157.294.649.700)	0%	-
Lỗ tính thuế không được ghi nhận	7,32%	58.060.785.178	12,48%	19.701.376.007
Biến động của các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(0,95%)	(7.526.458.253)	(12,64%)	(19.944.581.416)
Chuyển chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/ND-CP	(7,21%)	(57.223.474.643)	0%	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	0%	-	(20,96%)	(33.086.466.079)
		-		-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(c) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan nhà nước khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng (nếu có) có thể đáng kể.

23 SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

24 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	-	1.901.700.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	430.000.000.000	486.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	1.519.600.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	36.655.044.635	18.998.509.588
Công ty TNHH Zenith Investment	Góp vốn	1.963.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã cấp	433.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	353.200.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	9.204.563.289	3.967.123
	Thanh toán lãi trái phiếu	262.891.975.858	-
	Mua chứng chỉ tiền gửi	-	131.653.205.300



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

24 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin	-	789.000.000
	Mua hàng	16.626.009	52.651.908
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Thanh toán lãi trái phiếu	822.706.880	65.721.367.750
	Mua hàng	4.088.518.276	4.043.487.963
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	Khoản cho vay đã cấp	74.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	107.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	150.191.781	-
	Khoản vay đã nhận	727.446.576.000	3.235.600.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	727.446.576.000	1.309.382.099.131
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay đã nhận	4.803.364.687	60.155.674.181
	Thanh toán lãi trái phiếu	-	5.978.828.878
Công ty Cổ phần Masan Blue	Khoản cho vay đã cấp	200.500.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	2.494.000.000.000	2.865.695.383.338
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	1.131.970.092.434	1.652.547.070.828
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	Khoản cho vay đã cấp	500.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	500.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	87.671.232	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Khoản cho vay đã cấp	1.408.600.000.000	677.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	907.500.000.000	279.440.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	25.260.220.004	10.772.632.879
Công ty TNHH Vonfram Masan	Khoản cho vay đã cấp	265.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	615.740.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	22.791.295.888	23.802.739.726
Công ty TNHH MEATDeli HN	Khoản cho vay đã cấp	70.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	70.000.000.000	-
	Mua hàng	798.083.761	1.133.288.160
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Mua hàng	51.740.334	110.649.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

24 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Khoản cho vay đã cấp	90.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	40.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	3.698.631	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Thanh toán lãi trái phiếu	-	513.130.810
Công ty Cổ phần Mobicast	Khoản cho vay đã cấp	59.300.000.000	5.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	32.300.000.000	13.700.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	12.321.183.563	13.952.458.904
	Mua dịch vụ	55.529.704	55.333.395
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Mua hàng	112.891.695	-
Công ty TNHH Masan Agri	Khoản cho vay đã cấp	-	16.000.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	-	332.054.794
	Đặt cọc nhận được	-	1.644.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco	Khoản cho vay đã cấp	45.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	21.205.479	-
	Mua hàng	23.940.000	-
Các bên liên quan khác			
Techcombank và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	-	1.500.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	-	5.250.000.000
	Bán chứng khoán kinh doanh	609.860.945.499	668.952.285.460
	Mua chứng khoán kinh doanh	609.860.945.499	900.022.122.740
	Thu nhập cổ tức	786.473.248.500	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt (**)	18.674.907.089	18.010.031.394

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các công ty con của Công ty nắm giữ 4.436.750 triệu VND trái phiếu đã phát hành (1/1/2024: 5.465.750 triệu VND). Không có trái phiếu phát hành nào được công ty liên kết nắm giữ (1/1/2024: 647.181 triệu VND).

112042
NHÀ
GTY T
PMG
HỒ CHÍ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024 (tiếp theo)

24 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (*) Tại ngày và cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 2023, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.
- (**) Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty không hưởng thù lao cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và 2023.

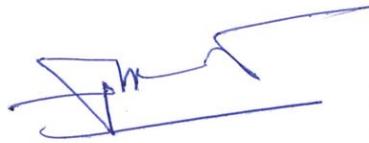
09 -06- 2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc



